



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre

**Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2025**



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận 1301026370 ngày 17 tháng 3 năm 2017
Đăng ký Doanh nghiệp số 1301026370 ngày 31 tháng 5 năm 2018

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh năm lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 1301026370 ngày 19 tháng 11 năm 2025. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các bản điều chỉnh do Phòng Đăng ký Kinh doanh Tỉnh Vĩnh Long cấp.

Hội đồng Quản trị Ông Lưu Văn Tuấn Chủ tịch
Bà Bùi Thị Thúy Thành viên
Ông Đinh Văn Thuận Thành viên
Ông Phạm Tấn Lợi Thành viên
Ông Phạm Hồng Minh Thành viên

Ban Kiểm soát Ông Đỗ Văn Biên Trưởng ban
Ông Hà Đức Trung Thành viên
Bà Lưu Thanh Thảo Thành viên

Ban Giám đốc Ông Lưu Văn Tuấn Giám đốc
Bà Lê Thị Tố Uyên Phó Giám đốc

Trụ sở đăng ký Ấp Phước Hậu (Thửa đất số 379, tờ bản đồ số 7)
Xã Giao Long
Tỉnh Vĩnh Long
Việt Nam

Công ty kiểm toán Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

102
ÔNG
S PH
BI
ÔN-
ÔNG

ÔNG
C
C
ÔNG NH

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 27 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng báo cáo tài chính đã thuyết minh đầy đủ về giá trị của giả định hoạt động liên tục và yếu tố không chắc chắn trọng yếu.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc

Lưu Văn Tuấn
Giám đốc

Tỉnh Vĩnh Long, ngày 30 tháng 3 năm 2026



Chi nhánh Công ty TNHH KPMG
Số 115 Đường Nguyễn Huệ, Phường Sài Gòn,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 30 tháng 3 năm 2026, được trình bày từ trang 5 đến trang 27.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

3-C
RE
H LON

12-001
IÁNH
TINH
AG
CHÍ



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh 2(c) của báo cáo tài chính, trong đó đề cập rằng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 250.782 triệu VND (1/1/2025: 239.027 triệu VND). Công ty cũng có khoản vay đáng kể cần tài trợ trong vòng 12 tháng kế tiếp (Thuyết minh 14). Những điều kiện này được đề cập trong Thuyết minh 2(c) của báo cáo tài chính cho thấy sự tồn tại của những yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 25-01-01672-26-1



Nguyễn Thủy Ninh
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 4623-2023-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2026

Nguyễn Anh Tuấn
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0436-2023-007-1



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		54.609.718.305	82.665.397.730
Tiền	110	4	2.036.218.890	29.077.410.033
Tiền	111		2.036.218.890	29.077.410.033
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		22.754.960.415	18.032.116.419
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	21.954.377.662	17.762.126.056
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		550.326.118	35.944.989
Phải thu ngắn hạn khác	136		250.256.635	234.045.374
Hàng tồn kho	140	6	29.095.375.855	34.898.843.826
Hàng tồn kho	141		29.095.375.855	34.898.843.826
Tài sản ngắn hạn khác	150		723.163.145	657.027.452
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		723.163.145	657.027.452
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 260)	200		399.325.466.902	436.779.649.821
Các khoản phải thu dài hạn	210		20.000.000	20.000.000
Phải thu dài hạn khác	216		20.000.000	20.000.000
Tài sản cố định	220		380.897.750.541	417.600.504.237
Tài sản cố định hữu hình	221	7	380.897.750.541	417.600.504.237
Nguyên giá	222		742.493.864.285	741.728.664.285
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(361.596.113.744)	(324.128.160.048)
Tài sản dở dang dài hạn	240		43.543.613	-
Xây dựng cơ bản dở dang	242		43.543.613	-
Tài sản dài hạn khác	260		18.364.172.748	19.159.145.584
Chi phí trả trước dài hạn	261	8	17.273.589.456	17.917.066.725
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	9	1.090.583.292	1.242.078.859
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		453.935.185.207	519.445.047.551

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		320.270.346.569	386.785.406.869
Nợ ngắn hạn	310		305.391.442.358	321.692.183.446
Phải trả người bán ngắn hạn	311	10	77.147.469.438	78.324.074.609
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	1.162.125
Thuế phải nộp Nhà nước	313	11	75.101.173.583	49.622.473.768
Phải trả người lao động	314		1.341.381.769	-
Chi phí phải trả	315	12	6.542.384.887	5.427.381.504
Phải trả ngắn hạn khác	319	13	716.302.537	938.715.845
Vay ngắn hạn	320	14(a)	144.542.730.144	187.268.373.119
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	15	-	110.002.476
Nợ dài hạn	330		14.878.904.211	65.093.223.423
Vay dài hạn	338	14(b)	-	54.446.469.452
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	9	14.878.904.211	10.646.753.971
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		133.664.838.638	132.659.640.682
Vốn chủ sở hữu	410	16	133.664.838.638	132.659.640.682
Vốn cổ phần	411	17	100.000.000.000	100.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		100.000.000.000	100.000.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		33.664.838.638	32.659.640.682
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		32.659.640.682	29.196.879.509
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		1.005.197.956	3.462.761.173
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		453.935.185.207	519.445.047.551

Ngày 30 tháng 3 năm 2026

Người lập:



Phạm Thế Lộc
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



Lưu Văn Tuấn
 Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

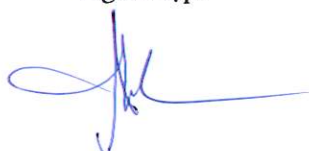
Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2025 VND	2024 VND
Doanh thu bán hàng	01	19	494.014.987.657	524.725.475.880
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	1.610.468
Doanh thu thuần từ bán hàng (10 = 01 – 02)	10		494.014.987.657	524.723.865.412
Giá vốn hàng bán	11	20	465.172.201.548	492.259.406.836
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		28.842.786.109	32.464.458.576
Doanh thu hoạt động tài chính	21		5.658.318	5.696.402
Chi phí tài chính	22		10.596.536.855	13.769.259.230
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		10.596.536.855	13.769.259.230
Chi phí bán hàng	25		209.675.579	200.107.792
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	21	11.628.874.826	11.207.892.472
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		6.413.357.167	7.292.895.484
Thu nhập khác	31	22	1.846.214.689	5.806.449.983
Chi phí khác	32	23	2.861.781.293	3.520.894.001
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(1.015.566.604)	2.285.555.982
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		5.397.790.563	9.578.451.466
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	25	8.946.800	417.993.875
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	25	4.383.645.807	5.697.696.418
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		1.005.197.956	3.462.761.173

Ngày 30 tháng 3 năm 2026

Người lập:



Phạm Thế Lộc
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Lưu Văn Tuấn
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2025 VND	2024 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		5.397.790.563	9.578.451.466
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao	02		37.467.953.696	39.059.603.996
Các khoản dự phòng	03		-	(6.783.812)
Thu nhập lãi tiền gửi	05		(5.658.318)	(5.696.402)
Chi phí lãi vay	06		10.596.536.855	13.769.259.230
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		53.456.622.796	62.394.834.478
Biến động các khoản phải thu	09		(4.722.843.996)	(2.622.723.109)
Biến động hàng tồn kho	10		5.759.924.358	7.420.562.709
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		26.975.619.676	(4.238.130.945)
Biến động chi phí trả trước	12		577.341.576	1.004.816.170
			82.046.664.410	63.959.359.303
Tiền lãi vay đã trả	14		(11.037.252.168)	(14.507.270.013)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(8.946.800)	(417.993.875)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(110.002.476)	(100.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		70.890.462.966	48.934.095.415

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2025 VND	2024 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21		(765.200.000)	-
Tiền thu lãi tiền gửi	27		5.658.318	5.696.402
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(759.541.682)	5.696.402
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		740.558.628.428	958.490.470.783
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(837.730.740.855)	(982.435.416.073)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(97.172.112.427)	(23.944.945.290)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		(27.041.191.143)	24.994.846.527
Tiền đầu năm	60		29.077.410.033	4.082.563.506
Tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	4	2.036.218.890	29.077.410.033

Ngày 30 tháng 3 năm 2026

Người lập:



Phạm Thế Lộc
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Lưu Văn Tuấn
Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm bia, rượu, và nước giải khát.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có 83 nhân viên (1/1/2025: 84 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Giả định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 250.782 triệu VND (1/1/2025: 239.027 triệu VND). Công ty cũng có các khoản vay đáng kể cần tái tài trợ trong vòng 12 tháng kế tiếp (Thuyết minh 14). Ngày 23 tháng 10 năm 2025, Hội đồng quản trị của Công ty đã thông qua kế hoạch bán cổ phần của các cổ đông hiện hữu của Công ty cho Tổng Công ty Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn (“SABECO”), một cổ đông hiện hữu và là bên liên quan, theo đó SABECO sẽ nắm giữ 51,5% vốn cổ phần của Công ty và qua đó tăng cường khả năng hỗ trợ tài chính của SABECO đối với Công ty (“Kế hoạch”). Ngoài ra, Công ty nhận đơn hàng và bán sản phẩm chủ yếu cho SABECO. Giá trị của giả định hoạt động liên tục chủ yếu phụ thuộc vào việc Công ty tiếp tục nhận đủ đơn hàng và nhận được hỗ trợ về thời hạn tín dụng thanh toán từ SABECO để tạo ra dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh dương, duy trì các hạn mức tín dụng chưa sử dụng, cũng như sự thành công của Kế hoạch nhằm giúp Công ty đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn và duy trì hoạt động liên tục trong một tương lai có thể dự kiến trước được.

Tại ngày lập báo cáo này, Công ty vẫn còn hạn mức tín dụng ngân hàng chưa sử dụng và khoản hỗ trợ thời hạn thanh toán từ SABECO. Ban Giám đốc Công ty tin rằng Công ty sẽ tiếp tục nhận đủ đơn đặt hàng và tiếp tục nhận được khoản vay từ ngân hàng, và tiếp tục tiến triển theo Kế hoạch trở thành công ty con của SABECO.

Tuy nhiên, những điều kiện này cho thấy sự tồn tại của những yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Báo cáo tài chính này không bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể cần thiết trong trường hợp Công ty không thể tiếp tục tồn tại.

(d) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(e) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền

Tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

(c) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(d) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(e) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|--------------------------|-------------|
| ▪ nhà cửa, vật kiến trúc | 10 – 46 năm |
| ▪ máy móc và thiết bị | 6 – 15 năm |
| ▪ phương tiện vận chuyển | 6 năm |

0263
IG T
PHÃ
31A
I-BE
G-T

M.S.C.H. U
C
TR

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(f) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định pháp luật hiện hành và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất từ 48 đến 52 năm.

(ii) Bao bì luân chuyển

Bao bì luân chuyển bao gồm chai, két inox 1 đến 2 lít sử dụng trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Bao bì luân chuyển được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

(iii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

(g) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(h) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(i) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chênh lệch giữa số tiền nhận được từ phát hành cổ phiếu so với mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(j) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(k) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(l) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(m) Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời gian thuê.



2042-0

NHÂN
TY T
PMG

HỒ S

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(n) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là bên liên quan.

(o) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm trước.

4. Tiền

	31/12/2025	1/1/2025
	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng	2.036.218.890	29.077.410.033



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***5. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn - một bên liên quan	21.172.356.877	16.915.645.267
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Bia Sài Gòn - một bên liên quan	176.004.145	296.508.347
Các khách hàng khác	606.016.640	549.972.442
	21.954.377.662	17.762.126.056

Khoản phải thu thương mại từ bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi yêu cầu.

6. Hàng tồn kho

	31/12/2025		1/1/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	5.077.005.990	-	6.971.510.127	-
Công cụ và dụng cụ	7.168.853.967	-	7.049.560.335	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	10.979.982.853	-	14.144.203.626	-
Thành phẩm	5.869.533.045	-	6.733.569.738	-
	29.095.375.855	-	34.898.843.826	-

3010
CÔNG
CỔ P
BI
SÀI GÒN
LONG

T.N.H.H
★
L

M.S.C.N: 0100
★
C
C
★
TRẦN

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***7. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	198.039.748.285	538.677.475.745	5.011.440.255	741.728.664.285
Tăng trong năm	-	765.200.000	-	765.200.000
Số dư cuối năm	198.039.748.285	539.442.675.745	5.011.440.255	742.493.864.285
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	41.849.958.314	277.283.445.175	4.994.756.559	324.128.160.048
Khấu hao trong năm	5.665.853.928	31.785.416.072	16.683.696	37.467.953.696
Số dư cuối năm	47.515.812.242	309.068.861.247	5.011.440.255	361.596.113.744
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	156.189.789.971	261.394.030.570	16.683.696	417.600.504.237
Số dư cuối năm	150.523.936.043	230.373.814.498	-	380.897.750.541

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình là tài sản có giá trị 14.800 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (1/1/2025: 9.849 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 1 tháng 1 năm 2025, tất cả tài sản cố định hữu hình được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 14(b)).

8. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất trả trước VND	Bao bì luân chuyển VND	Công cụ và dụng cụ VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	17.264.554.788	293.805.534	358.706.403	17.917.066.725
Tăng trong năm	-	-	188.146.708	188.146.708
Phân bổ trong năm	(409.433.652)	(173.762.329)	(248.427.996)	(831.623.977)
Số dư cuối năm	16.855.121.136	120.043.205	298.425.115	17.273.589.456

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, chi phí trả trước dài hạn có giá trị còn lại là 16.855 triệu VND (1/1/2025: 17.265 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 14(b)).

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***9. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại/(thuế thu nhập hoãn lại phải trả)**

	Thuế suất	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:			
Chi phí phải trả và các khoản dự phòng	20%	1.090.583.292	1.242.078.859
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:			
Chênh lệch tạm thời phát sinh từ khấu hao tài sản cố định hữu hình	20%	(14.878.904.211)	(10.646.753.971)
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả thuần		(13.788.320.919)	(9.404.675.112)

10. Phải trả người bán ngắn hạn**(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn**

	Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ	
	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	75.507.029.723	74.840.176.095
Các nhà cung cấp khác	1.640.439.715	3.483.898.514
	77.147.469.438	78.324.074.609

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ	
	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	75.507.029.723	74.840.176.095
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Bia Sài Gòn	1.315.786	-

Khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và phải trả khi có yêu cầu.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***11. Thuế phải nộp Nhà nước**

	1/1/2025 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã nộp/cán trừ trong năm VND	31/12/2025 VND
Thuế giá trị gia tăng	6.427.062.316	96.876.102.647	(93.913.790.858)	9.389.374.105
Thuế tiêu thụ đặc biệt	43.076.593.503	478.043.041.396	(455.452.918.643)	65.666.716.256
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	8.946.800	(8.946.800)	-
Thuế thu nhập cá nhân	118.817.949	472.166.260	(546.153.977)	44.830.232
Các loại thuế khác	-	11.657.198	(11.404.208)	252.990
	49.622.473.768	575.411.914.301	(549.933.214.486)	75.101.173.583

12. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Chi phí thường	5.452.916.459	4.120.424.922
Chi phí lãi vay phải trả	438.125.919	878.841.232
Chi phí phải trả khác	651.342.509	428.115.350
	6.542.384.887	5.427.381.504

13. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Chi phí mua hàng trích trước	78.352.537	227.870.845
Phải trả ngắn hạn khác	637.950.000	710.845.000
	716.302.537	938.715.845

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***14. Vay****(a) Vay ngắn hạn**

	1/1/2025	Biến động trong năm		31/12/2025
	Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn (*)	124.268.373.119	740.558.628.428	755.730.740.855	109.096.260.692
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 14(b))	63.000.000.000	54.446.469.452	82.000.000.000	35.446.469.452
	187.268.373.119	795.005.097.880	837.730.740.855	144.542.730.144

(*) Điều khoản và điều kiện của khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2025	1/1/2025
			VND	VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 4, TP Hồ Chí Minh	VND	3,50% - 6,30%	109.096.260.692	124.268.373.119

Khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 4, TP Hồ Chí Minh có hạn mức tín dụng là 150.000 triệu VND và được đảm bảo bằng tài sản như được trình bày ở Thuyết minh 14(b).

(b) Vay dài hạn

	31/12/2025	1/1/2025
	VND	VND
Vay dài hạn (**)	54.446.469.452	117.446.469.452
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 14(a))	(54.446.469.452)	(63.000.000.000)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	-	54.446.469.452

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(**) Điều khoản và điều kiện của khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Vietinbank - Chi nhánh 4, TP Hồ Chí Minh	VND	6,40%	2026	54.446.469.452	117.446.469.452

Khoản vay ngắn hạn và dài hạn từ Vietinbank – Chi nhánh 4, TP. Hồ Chí Minh được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất tại Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre có giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 397.753 triệu VND (1/1/2025: 434.866 triệu VND) (Thuyết minh 7 và Thuyết minh 8).

15. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2025 VND	2024 VND
Số dư đầu năm	110.002.476	210.002.476
Sử dụng trong năm	(110.002.476)	(100.000.000)
Số dư cuối năm	-	110.002.476

16. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	100.000.000.000	29.196.879.509	129.196.879.509
Lợi nhuận thuần trong năm	-	3.462.761.173	3.462.761.173
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	100.000.000.000	32.659.640.682	132.659.640.682
Lợi nhuận thuần trong năm		1.005.197.956	1.005.197.956
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	100.000.000.000	33.664.838.638	133.664.838.638

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

17. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2025 và 1/1/2025	
	Số lượng cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	100.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	100.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Không có biến động vốn cổ phần trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024.

18. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Nguyên vật liệu nhận giữ hộ một bên liên quan

	Đơn vị	31/12/2025	31/12/2023
Nguyên vật liệu	kg	379.080	319.080

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***19. Doanh thu bán hàng**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

	2025 VND	2024 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	484.211.480.832	513.010.123.157
▪ Bán bã bia	4.879.513.500	5.473.957.900
▪ Bán bao bì	4.327.888.501	5.440.861.922
▪ Doanh thu khác	596.104.824	800.532.901
	<hr/> 494.014.987.657	<hr/> 524.725.475.880

20. Giá vốn hàng bán

	2025 VND	2024 VND
Tổng giá vốn hàng bán		
▪ Thành phẩm đã bán	460.858.420.909	486.762.367.113
▪ Bao bì đã bán	4.313.780.639	5.497.039.723
	<hr/> 465.172.201.548	<hr/> 492.259.406.836

21. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2025 VND	2024 VND
Chi phí nhân viên	9.015.969.628	8.286.737.449
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	98.335.742	87.898.889
Chi phí khấu hao	2.499.996	275.207.662
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.226.298.689	2.034.581.330
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	285.770.771	523.467.142
	<hr/> 11.628.874.826	<hr/> 11.207.892.472

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***22. Thu nhập khác**

	2025 VND	2024 VND
Lợi nhuận từ việc thanh lý chai và kết	-	4.486.129.519
Thu nhập khác	1.846.214.689	1.320.320.464
	<hr/> 1.846.214.689	<hr/> 5.806.449.983

23. Chi phí khác

	2025 VND	2024 VND
Chi phí khấu hao máy móc tạm ngừng hoạt động	2.735.008.982	2.921.581.902
Chi phí khác	126.772.311	599.312.099
	<hr/> 2.861.781.293	<hr/> 3.520.894.001

24. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2025 VND	2024 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	400.101.520.895	400.447.699.246
Chi phí nhân công và nhân viên	23.684.575.674	22.588.540.011
Chi phí khấu hao	37.467.953.696	39.059.603.996
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.100.230.170	10.655.495.668
Chi phí khác	382.056.867	676.902.199
	<hr/> 854.633.137.302	<hr/> 883.364.342.120

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

25. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2025	2024
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Dự phòng thiếu những năm trước	8.946.800	417.993.875
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	4.383.645.807	5.697.696.418
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	<u>4.392.592.607</u>	<u>6.115.690.293</u>

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2025	2024
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	5.397.790.563	9.578.451.466
Thuế theo thuế suất của Công ty	1.079.558.113	1.915.690.293
Chi phí không được khấu trừ thuế	761.737.556	891.194.812
Chênh lệch tạm thời chưa được ghi nhận	2.542.350.138	2.890.811.313
Dự phòng thiếu những năm trước	8.946.800	417.993.875
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	<u>4.392.592.607</u>	<u>6.115.690.293</u>

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo thuế suất thuế thu nhập thông thường trên lợi nhuận tính thuế. Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho các doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20%.



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***26. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	2025 VND	2024 VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn		
Bán thành phẩm (đã bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	960.970.555.360	1.010.309.483.610
Bán bao bì và bán khác	4.313.016.790	5.622.774.239
Mua nguyên vật liệu	371.116.351.535	391.659.679.706
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Bia Sài Gòn		
Cung cấp dịch vụ	1.648.933.120	1.145.241.649
Mua dịch vụ	3.049.458	-
Công ty TNHH Một Thành viên Cơ khí Sa Be Co		
Mua hàng hóa	345.404.000	261.180.000
Mua dịch vụ	-	225.000.000
Mua máy móc và thiết bị	765.200.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Hậu		
Mua hàng hóa	-	99.095.000
Công ty TNHH Một thành viên Tập đoàn Bia Sài Gòn		
Mua hàng hóa	-	69.400.000
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn – Chi nhánh Củ Chi		
Mua hàng hóa	37.225.500	-
Thành viên Hội đồng Quản trị		
<i>Thù lao</i>		
Ông Lưu Văn Tuấn – Chủ tịch	169.000.000	177.000.000
Bà Bùi Thị Thúy – Thành viên	143.000.000	149.000.000
Ông Phạm Tấn Lợi – Thành viên	143.000.000	149.000.000
Ông Phạm Hồng Minh – Thành viên	143.000.000	149.000.000
Ông Đinh Văn Thuận – Thành viên	143.000.000	149.000.000
Nhân sự quản lý chủ chốt		
Lương, thưởng và các phúc lợi khác	2.222.824.923	2.214.971.123

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2025 VND	2024 VND
Thành viên Ban kiểm soát		
<i>Thù lao</i>		
Ông Đỗ Văn Biên – Trưởng ban	108.000.000	114.000.000
Ông Hà Đức Trung – Thành viên	82.000.000	86.000.000
Bà Lưu Thanh Thảo – Thành viên	82.000.000	86.000.000

27. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2025 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Ngày 30 tháng 3 năm 2026

Người lập:



Phạm Thế Lộc
Kế toán trưởng

Người duyệt:




Lưu Văn Tuấn
Giám đốc

